

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 111/NQ-CP

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2024

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: C
Ngày: 23/7/2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4614/BKHĐT-QLKTTW ngày 14 tháng 6 năm 2024 và văn bản số 5376/BKHĐT-QLKTTW ngày 10 tháng 7 năm 2024;

Trên cơ sở ý kiến biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). *MLD*





CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW) với mục tiêu tổng quát là “Việt Nam cơ bản đạt được các tiêu chí của nước công nghiệp, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đời sống của Nhân dân được nâng cao. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh với năng lực sản xuất mới, tự chủ, khả năng thích ứng, chống chịu cao, từng bước làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nền của các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ tiên tiến. Các ngành dịch vụ được cơ cấu lại đồng bộ, hiệu quả trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh được nâng cao, hình thành được nhiều ngành dịch vụ mới, có giá trị gia tăng cao”.

Căn cứ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chính phủ ban hành Chương trình hành động với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt sâu sắc và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, ngành, địa phương) tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 29-NQ/TW.

2. Yêu cầu

- Việc ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW nhằm tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu và giải pháp chủ yếu nêu tại Nghị quyết số 29-NQ/TW gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết. Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai quyết liệt, hiệu quả, phấn đấu đạt được cao nhất các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò và nội dung của chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của các cấp ủy đảng, chính quyền từ trung ương đến địa phương; gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của từng ngành và từng cấp.

3. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD; GNI bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt trên 7.000 USD. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 50%; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%; đạt khoảng 260 sinh viên trên một vạn dân.

- Thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN về năng lực cạnh tranh công nghiệp; tỷ trọng công nghiệp đạt trên 40% GDP; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 45%; giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, chế biến bình quân đầu người đạt trên 2.000 USD. Tỷ trọng của khu vực dịch vụ đạt trên 50% GDP, trong đó du lịch đạt 14 - 15% GDP.

- Hình thành được một số tập đoàn, doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, đa quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn; xây dựng và phát triển được một số cụm liên kết ngành công nghiệp trong nước có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế; làm chủ một số chuỗi giá trị công nghiệp, nông nghiệp.

- Xây dựng được ngành công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại.

- Tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Hoàn thành xây dựng chính phủ số, thuộc nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%. Phấn đấu đạt được các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản), tái sử dụng, tái chế chất thải tương đương với các nước dẫn đầu ASEAN; chỉ số hiệu quả môi trường (EPI) đạt trên 55. Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 29-NQ/TW đề ra, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

a) Các bộ, ngành, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tới cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động thuộc phạm vi quản lý; đảm bảo thể hiện bằng hành động cụ thể trong triển khai các nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương làm tốt công tác thông tin tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW đến các tổ chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tạo đồng thuận trong xã hội và toàn hệ thống chính trị. Tận dụng có hiệu quả công nghệ số để thực hiện tốt công tác tuyên truyền.

2. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

a) Các bộ, ngành, địa phương

- Đẩy nhanh thể chế hóa các Nghị quyết, kết luận của Đảng có liên quan đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với trọng tâm bao gồm:

+ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Kế hoạch số 13-KH/TW ngày 28 tháng 11 năm 2022 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Chủ trương, đường lối của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội các vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với thực tiễn của từng vùng, từng địa phương, của từng ngành, lĩnh vực.

- Nghiên cứu, ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với thực tiễn của địa phương, của ngành, lĩnh vực, tổ chức, cơ quan, đơn vị.

b) Bộ Công Thương

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội ngành, phát triển công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, công nghiệp hỗ trợ; nghiên cứu, rà soát cơ cấu không gian phát triển công nghiệp, thể chế, chính sách về phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp và chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp công nghiệp nội địa.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng Chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng Đề án thành lập Ủy ban quốc gia về công nghiệp hóa, hiện đại hóa do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Ủy ban.

- Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng Luật Năng lượng tái tạo; xây dựng lộ trình, hoàn thiện các cơ chế, chính sách cho thực hiện chuyển đổi năng lượng xanh, bền vững, phù hợp với xu thế của thế giới, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, đẩy mạnh phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió trên bờ và ngoài khơi, mặt trời, sinh khối...), năng lượng mới, năng lượng sạch (hydrogen, amoniac xanh...); nghiên cứu, quy hoạch một số trung tâm năng lượng tái tạo tại các vùng và các địa phương có lợi thế và cơ chế ưu đãi để thúc đẩy phát triển các trung tâm năng lượng tái tạo.

- Nghiên cứu xây dựng, đề xuất cơ chế khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo với mục đích tự dùng, đặc biệt là các nguồn điện tự sản, tự tiêu, điện mặt trời mái nhà; nghiên cứu xây dựng, đề xuất cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời trên mặt nước; xây dựng đề án về phát triển các nguồn điện từ rác thải đô thị, chất thải rắn và sinh khối.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp môi trường; phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu thân thiện với môi trường.

- Triển khai có hiệu quả Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ban hành tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nghiên cứu xây dựng, đề xuất các cơ chế, chính sách phát triển điện gió ngoài khơi xa bờ phù hợp với triển khai thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ thương mại dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại; rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện thể chế các ngành dịch vụ thương mại nhất là lĩnh vực thương mại điện tử, logistics và các dịch vụ mới của nền kinh tế số; tập trung phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, sử dụng công nghệ cao, tự động hóa.

- Nghiên cứu, ban hành và triển khai cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao để thúc đẩy hình thành một số trung tâm logistics tầm cỡ khu vực và quốc tế.

c) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Xây dựng khung pháp luật cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số. Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số và các văn bản hướng dẫn; thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, chính sách xây dựng kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số.

- Nghiên cứu xây dựng và thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Luật Giao dịch điện tử; xây dựng và trình ban hành các văn bản hướng dẫn nhằm tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động giao dịch điện tử trong nền kinh tế - xã hội.

d) Bộ Quốc phòng

- Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng hiện đại và lưỡng dụng; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- Hoàn thiện và triển khai Đề án mô hình cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng và hệ thống các cơ sở công nghiệp quốc phòng; chương trình mục tiêu quốc gia về đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

đ) Bộ Công an

- Tăng cường đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, góp phần tạo môi trường ổn định cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển công nghiệp an ninh, tạo thế chủ động, bí mật, tự lực, tự cường, giảm phụ thuộc nhập khẩu công nghệ nước ngoài, đáp ứng trang bị hiện đại hóa lực lượng công an nhân dân vào năm 2030.

e) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Ban hành cơ chế, chính sách phù hợp về đền bù, hỗ trợ tái định cư, thu hồi đất phục vụ cho các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng cấp quốc gia, cấp vùng.

- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện chính sách đất đai, khoáng sản để thúc đẩy và hỗ trợ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2035, tầm nhìn đến 2050 đồng bộ với Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Điều tra, đánh giá, thăm dò, xác định tiềm năng, trữ lượng các khoáng sản năng lượng hiện có và tài nguyên các nguồn địa nhiệt, khí đá phiến. Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về tiềm năng và xây dựng định hướng phát triển năng lượng địa nhiệt, sóng biển, thủy triều, hải lưu; triển khai một số mô hình ứng dụng, khai thác thử nghiệm để đánh giá hiệu quả và nhân rộng.

- Khuyến khích đầu tư nghiên cứu áp dụng quy trình và phương pháp sản xuất thân thiện môi trường, sử dụng các biện pháp để cải thiện và xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất công nghiệp. Khoanh định, công bố các khu vực có khoáng sản độc hại, phóng xạ; xác định, đánh giá rủi ro, phân vùng rủi ro tai biến địa chất; đánh giá tiềm năng và thăm dò cát biển.

- Tích cực triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng chuyển giao công nghệ về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, bảo đảm các mục tiêu quốc gia, ngành, lĩnh vực theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

g) Bộ Tài chính

- Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, khắc phục sự chồng chéo, bất cập, không phù hợp trong chính sách ưu đãi thuế theo ngành, lĩnh vực đầu tư, địa bàn.

- Xây dựng và triển khai các chính sách thuế nhằm khuyến khích phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với mục tiêu thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ mới, các công nghệ ưu tiên phát triển, xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Rà soát, sửa đổi pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định liên quan theo hướng tăng cường phân cấp huy động, quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương cùng đầu tư ngân sách vào các hạ tầng dùng chung, đặc biệt trong đầu tư các tuyến đường sắt và hạ tầng liên kết vùng.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách về giám sát tài chính và tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước.

h) Bộ Giao thông vận tải

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm phù hợp để tạo đột phá cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là đường bộ, đường sắt.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu hình thành Quỹ Phát triển hạ tầng giao thông.

- Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu tại Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải tại Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022.

i) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn quốc gia về sản xuất thông minh; xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ hoạt động tư vấn, đào tạo cho doanh nghiệp Việt Nam về sản xuất thông minh.

- Chủ trì xây dựng và triển khai có hiệu quả Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia nhằm thúc đẩy phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo của quốc gia trong tiến trình hội nhập quốc tế.

- Đề xuất cơ cấu, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ theo hướng ưu tiên nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng; xem xét tới quy mô, đóng góp của các ngành, lĩnh vực và địa phương để xác định cơ cấu và tỷ lệ phân bổ ngân sách nhà nước cho từng năm và giai đoạn.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, đề xuất hoặc kiến nghị các cơ quan liên quan điều chỉnh và xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách thống nhất, đồng bộ để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo gắn với khoa học và công nghệ.

- Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động của khu công nghệ cao.

k) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến môi trường đầu tư, thủ tục đầu tư, thành lập doanh nghiệp, cơ chế đấu thầu nhằm xóa bỏ rào cản để thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, đẩy nhanh tiến độ các công trình năng lượng, phát huy có hiệu quả mô hình hợp tác công tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng, hình thức mua lại và sáp nhập đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Chủ trì xây dựng khung tiêu chí và hoàn thiện hành lang pháp lý cho phát triển các khu công nghiệp sinh thái, thông minh.

- Hoàn thiện và sớm ban hành bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; ưu tiên thu hút đầu tư có chọn lọc phù hợp với chiến lược, quy hoạch, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

l) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, rà soát, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan ban hành cơ chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp đường sắt thông qua tăng cường chính sách đặt hàng đào tạo và thực hiện hỗ trợ tài chính của Nhà nước đối với cơ sở đào tạo và người học.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp ban hành tại Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

m) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng, phát triển các vùng nguyên liệu tập trung gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu nông lâm thủy sản. Nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến; đầu tư cơ giới hóa theo chuỗi giá trị và tập trung vào nhóm sản phẩm chủ lực.

- Thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài để thúc đẩy và hỗ trợ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích đầu tư vào công nghệ chế tạo máy nông nghiệp và công nghệ chế biến, bảo quản nông sản; ưu tiên các công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường.

n) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về du lịch.

- Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách để thúc đẩy hình thành một số trung tâm du lịch tầm cỡ khu vực và quốc tế.

- Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích các cơ sở dịch vụ du lịch sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản phẩm tái chế, tái sử dụng, ứng dụng công nghệ sạch để hạn chế ô nhiễm môi trường và giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

o) Bộ Xây dựng

- Xây dựng khung tiêu chí và hoàn thiện hành lang pháp lý cho phát triển khu đô thị công nghiệp - thương mại - dịch vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng Luật điều chỉnh về quản lý phát triển đô thị và các văn bản dưới luật.

3. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, tự lực, tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng

a) Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan đẩy mạnh cơ cấu lại ngành công nghiệp; thực hiện điều chỉnh phân bố không gian phát triển công nghiệp của vùng, địa phương theo hướng gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế trọng điểm, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, lợi thế của từng vùng, bảo đảm tính chuyên môn hóa cao, tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng; hình thành các vùng công nghiệp, vành đai công nghiệp gắn với các đầu mối vận tải (ga đường sắt, cảng biển, cảng thủy nội địa), cụm liên kết ngành công nghiệp, khu công nghiệp, trọng tâm là hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng và triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; chú trọng đáp ứng các quy tắc về nguồn gốc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do, tập trung vào các lĩnh vực: Điện tử thông minh, ô tô, dệt may - da giày, cơ khí và tự động hóa, nông nghiệp và công nghệ sinh học, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ phát triển giao thông vận tải đường sắt, hàng hải; quy hoạch và có cơ chế, chính sách đột phá, khuyến khích phát triển các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ tập trung.

- Chủ trì xây dựng và triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia về nâng cao năng lực độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường của nền sản xuất Việt Nam đến năm 2045 (Make in Vietnam 2045) theo hướng chú trọng nâng cao tự chủ về nguyên liệu, công nghệ, sản xuất và thị trường, tăng cường năng lực sáng tạo và thiết kế, phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều công nghệ, có giá trị gia tăng cao và các ngành công nghiệp phát thải các-bon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ liên quan đến phát triển đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao, hàng hải.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả quy hoạch vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, đặc biệt là đối với các ngành dệt may, da giày. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển ngành dệt may và da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035, tập trung ưu tiên quy hoạch vùng nguyên, phụ liệu cho sản xuất.

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý nhằm hỗ trợ, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nền tảng như luyện kim (ưu tiên phát triển thép hợp kim, thép đặc chủng phục vụ công nghiệp chế tạo máy thế hệ mới); cơ khí chế tạo (ưu tiên phát triển cơ khí chế tạo cho sản xuất máy nông nghiệp, ô tô, tàu biển, thiết bị công trình, thiết bị năng lượng, thiết bị điện, thiết bị y tế); hóa chất (ưu tiên phát triển các loại hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, phân bón); công nghiệp năng lượng (ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng mới); vật liệu (ưu tiên phát triển vật liệu mới); công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

- Hình thành và phát huy hiệu quả các khu công nghiệp tập trung thành các tổ hợp sản xuất hoàn chỉnh quy mô lớn, có tính chuyên môn hóa cao theo hướng sinh thái; các cụm công nghiệp quy mô vừa và nhỏ, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp tại khu vực nông thôn, miền núi.

- Khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước liên kết, liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thiết bị năng lượng sạch, tái tạo, hệ thống pin lưu trữ, công nghệ và sản phẩm tiết kiệm năng lượng; đào tạo và chuyển giao công nghệ, chú trọng tới chuyển giao công nghiệp đường sắt.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng các chính sách nhằm tăng cường khả năng thu hút đầu tư vào phát triển công nghiệp; cân đối vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp, đặc biệt là những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng và các ngành công nghiệp mũi nhọn.

- Nghiên cứu, ban hành các điều kiện, tiêu chí phù hợp, đề xuất thí điểm các mô hình khu kinh tế chuyên biệt, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, các mô hình kinh tế mới tại một số địa phương có tiềm năng.

c) Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách tài chính để khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn.

d) Bộ Xây dựng

- Đẩy nhanh triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng cơ chế chính sách phát triển một số tập đoàn xây dựng quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh quốc tế; phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng thành ngành kinh tế mạnh, đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng cơ bản nhu cầu trong nước; hạn chế, tiến tới dừng các

hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường, ưu tiên phát triển vật liệu xanh, vật liệu mới thân thiện với môi trường.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 .

đ) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện các giải pháp về khoa học công nghệ nhằm nâng cao hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm công nghiệp của Việt Nam; xây dựng chính sách đổi mới và ứng dụng công nghệ; đánh giá trình độ công nghệ.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chỉ thị về phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ lõi, công nghệ nguồn.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng và triển khai Đề án ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó xây dựng và triển khai các chính sách xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tăng cường ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ sạch, đổi mới sáng tạo nâng cao trình độ và năng lực công nghệ để sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm chủ lực, trọng điểm của ngành, lĩnh vực, địa phương.

e) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, tự lực, tự cường, liên kết chặt chẽ với công nghiệp dân sinh, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia. Thúc đẩy liên kết, chuyển giao, chuyển đổi công nghệ giữa công nghiệp dân sinh và công nghiệp quốc phòng, hình thành một số nền tảng đổi mới sáng tạo dùng chung.

- Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết, đầu tư nguồn lực hỗ trợ các cơ sở dân sinh phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh. Cơ cấu lại các cơ sở công nghiệp quốc phòng, hình thành các cơ sở công nghiệp an ninh bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, hiện đại theo hướng lưỡng dụng, hiện đại.

4. Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

a) Các bộ, ngành, địa phương

- Tích cực triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Bố trí ngân sách địa phương, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng kết nối nông thôn với đô thị, nhất là hạ tầng thủy lợi, giao thông vận tải, hạ tầng thương mại, kho bãi, bảo quản, chế biến nông sản.

- Chủ động lồng ghép các nội dung triển khai thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (ban hành tại Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021) theo chức năng nhiệm vụ và chuyên môn được giao.

- Nghiên cứu, xây dựng các trung tâm hậu cần biên mậu (với các tỉnh vùng biên) thúc đẩy giao dịch các nông sản chủ lực của địa phương.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, hiện đại hóa trong toàn bộ chuỗi cung ứng; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2022, đặc biệt là Đề án phát triển cơ sở chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản quy mô vừa và nhỏ nhằm thúc đẩy, khuyến khích đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản quy mô vừa và nhỏ để tiêu thụ các nông sản truyền thống của địa phương, phát huy lợi thế của từng vùng miền, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn và Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp nhằm đẩy mạnh áp dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp, tiến đến cơ giới hóa đồng bộ và tự động hóa.

- Đẩy nhanh xây dựng hạ tầng số và dữ liệu số nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất; nâng cấp, hiện đại hóa và phát triển sàn giao dịch cho các nông sản chủ lực.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng "Phát triển hệ thống dịch vụ logistics nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050".

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022; Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022.

c) Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn. Xây dựng và đẩy mạnh triển khai các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối giao thông các sản phẩm công nghiệp nông thôn theo Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2020 phê duyệt chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh và thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế; tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản. Thúc đẩy dịch vụ hóa ngành chế biến, chế tạo.

d) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao; xây dựng cơ chế thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

đ) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn; đào tạo nghề gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

e) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Phát triển hạ tầng số nông thôn; dữ liệu số nông nghiệp, nông thôn.

- Hỗ trợ nâng cấp, hiện đại hóa và phát triển sản phẩm cho các nông sản chủ lực.

g) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, ưu tiên các dự án đầu tư phát triển chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

a) Các bộ, ngành, địa phương

- Đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; ưu tiên đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo đi trước một bước.

- Đẩy nhanh thể chế hóa và cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh triển khai việc thực hiện Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trong đó ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp công nghệ số Make in Vietnam trong hoạt động quản trị điều hành.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức các hoạt động của Hội đồng quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy sự phối hợp giữa các cơ quan xây dựng chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động giữa các bộ, ngành, địa phương trong phát triển và ứng dụng kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phát triển kinh tế - xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa, khu vực và toàn cầu, các cụm liên kết ngành với vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp lớn, tập trung vào các ngành có giá trị xuất khẩu và doanh thu lớn như dệt may, da giày, điện tử, thiết bị, máy móc, chế biến gỗ, chế biến nông sản, khai thác khoáng sản, dược phẩm.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan tiếp tục xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, đề án tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, phát triển và đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ, đổi mới sáng tạo, tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách mới, đặc thù về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ đường sắt tại một số địa phương, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp.

- Rà soát, cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Rà soát, nâng cấp và đổi mới cơ chế vận hành hệ thống các phòng thí nghiệm do Nhà nước đầu tư.

- Thúc đẩy nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực Việt Nam có thể mạnh như toán học, vật lý, hóa học, khoa học sự sống, khoa học trái đất và khoa học biển, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nguồn.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan phát triển hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu. Triển khai mạnh mẽ các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan khuyến khích doanh nghiệp thành lập các trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp, quỹ đầu tư nước ngoài đầu tư vào các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam; triển khai các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý công nghệ, chuyển đổi số, năng lực sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Bộ Tài chính

- Cân đối chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật; bảo đảm theo kế hoạch hàng năm để tạo thuận lợi và nâng cao hiệu quả của các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng lộ trình tăng tỷ lệ chi từ ngân sách nhà nước tính trên GDP cho nghiên cứu và phát triển; phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ lệ thuộc nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN, tiệm cận tỷ lệ bình quân chung của các nước thuộc khối OECD.

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hoàn thiện các chiến lược về giáo dục và đào tạo phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trọng điểm ngành về lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

- Triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các trường phổ thông (STEM, STEAM). Hình thành các chương trình cấp quốc gia và cấp địa phương, ngành, lĩnh vực về đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài có chuyên môn cao.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các nền tảng dạy và học trực tuyến mở, các mô hình đại học mới thích ứng với quá trình chuyển đổi số.

e) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2023. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các ngành, nghề trọng điểm trong đó ưu tiên các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan triển khai các hoạt động đào tạo, đào tạo bổ sung kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành có liên quan xây dựng các chương trình cấp quốc gia và cấp địa phương, ngành, lĩnh vực về đào tạo, thu hút trọng dụng lao động có kỹ năng; xây dựng và triển khai trương trình đào tạo lao động kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn.

- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo bổ sung kỹ năng công nghệ thông tin cho người lao động; đào tạo, nâng cao trình độ lao động nông thôn; đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề; phát triển nhân lực nghiên cứu, chuyên gia trong nông nghiệp.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

a) Bộ Giao thông vận tải

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia và vùng về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu, năng lượng, hạ tầng số, các công trình hạ tầng xã hội về y tế, giáo dục của vùng.

- Phát triển hệ thống đường bộ cao tốc đạt mục tiêu 5.000 km vào năm 2030. Đẩy nhanh tiến độ một số công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải, có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; các dự án nối thông đường Hồ Chí Minh, các dự án vành đai, các tuyến luồng hàng hải vào cảng Cái Mép - Thị Vải, Nam Nghi Sơn.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt có trọng tâm, trọng điểm; tập trung cải tạo, nâng cấp để tiếp tục khai thác có hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có; nghiên cứu, sớm đầu tư xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, một số tuyến đường sắt kết nối với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển.

- Đẩy nhanh xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư hạ tầng giao thông giai đoạn 2021 - 2030. Xây dựng đề án tổng thể thống nhất về cơ chế giao quản lý, khai thác các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng hải, hàng không, đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa theo hướng tăng cường xã hội hóa, tách biệt rõ vai trò quản lý nhà nước với vai trò quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông vận tải.

- Nghiên cứu áp dụng thí điểm mô hình đầu tư công - quản trị tư, đầu tư tư - sử dụng công; đa dạng hóa nguồn lực, huy động tối đa nguồn lực từ quỹ đất trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

- Nghiên cứu rà soát, xây dựng, điều chỉnh định mức chuyên ngành; phối hợp với Bộ Xây dựng để áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong thiết kế, quản lý, giám sát thi công các dự án trọng điểm.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, đi trước một bước.

- Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã ban hành tại Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022; Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020.

c) Bộ Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng khung pháp lý về phát triển hệ thống đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh, có tính kết nối theo mạng lưới cao và gắn kết chặt chẽ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Chủ trì, đầu mối, đôn đốc các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 định hướng đến năm 2030 (được phê duyệt tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018) và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (phê duyệt tại Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022).

- Đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng ban hành tại Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2023.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, địa phương liên quan hoàn thiện mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển gắn với hình thành phát triển đô thị và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh; tổ chức bố trí, sắp xếp không gian các hoạt động, xây dựng, kết nối cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, khai thác sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên biển, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra tại từng khu vực vùng biển và ven biển.

- Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, nhất là tại các đô thị, vùng đô thị có mật độ dân số cao.

đ) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tiệm cận với tiêu chí đô thị sinh thái.

- Phát triển hệ thống hạ tầng phục vụ chuyển đổi nông nghiệp, kết nối không gian phát triển giữa các vùng, khu vực, địa phương để thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển thủy lợi đa mục tiêu, ưu tiên các công trình thủy

lợi phục vụ phát triển trái cây, nuôi trồng thủy sản, cây trồng cạn. Phát triển cảng cá kết hợp với khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, tưới tiết kiệm nước, cấp nước sinh hoạt, tái sử dụng nước và tiêu, thoát nước.

- Nâng cấp hạ tầng bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhất là các kho dự trữ, bảo quản, kho lạnh, kho chứa lương thực, thực phẩm.

7. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

a) Các bộ, ngành, địa phương

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 5 (Khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ (trong phạm vi quản lý chuyên ngành) cho một số tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn, có đủ năng lực thực hiện một số nhiệm vụ có tính chiến lược, dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chú trọng chính sách mua sắm công và các chính sách nâng cao năng lực doanh nghiệp trong nước của Việt Nam.

- Tiếp tục rà soát, hướng dẫn, tạo sự thống nhất về nội dung giữa các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh nhằm tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sửa đổi, bổ sung về ưu đãi đầu tư.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện và trình các cấp có thẩm quyền, tổ chức thực hiện hiệu quả Luật Hợp tác xã sửa đổi (Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác).

8. Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

a) Các bộ, ngành, địa phương

- Sử dụng hiệu quả chính sách đặt hàng sản xuất và chính sách mua sắm công để thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ và sản xuất.

- Thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân.

- Ưu tiên nguồn lực tài chính nhà nước đầu tư cho phát triển hạ tầng liên kết vùng, hạ tầng năng lượng, chuyển đổi số, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Bộ Tài chính

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp về tài chính, ngân sách đối với một số địa phương; rà soát, xác định tỷ lệ nguồn thu giữ lại hợp lý đối với các đô thị đặc biệt và các đô thị lớn để bảo đảm phát huy vai trò của các cực tăng trưởng kinh tế trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện, đổi mới chính sách thuế phù hợp với thông lệ quốc tế, hướng tới trọng tâm ưu tiên thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuỗi giá trị sản xuất, dịch vụ hiện đại.

- Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính theo nguyên tắc thị trường, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Phát triển thị trường chứng khoán bền vững, trở thành kênh huy động quan trọng vốn trung và dài hạn cho thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách để hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên, các dự án thuộc Danh mục phân loại xanh. Tiếp tục thực hiện các chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ góp phần thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Đẩy nhanh cơ cấu lại thị trường tiền tệ đáp ứng yêu cầu huy động và sử dụng vốn có hiệu quả.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Xây dựng các chính sách phát huy vai trò của đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

9. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch; giám sát, đánh giá việc tổ chức, thực hiện chính sách lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch tại các Bộ và địa phương.

- Triển khai có hiệu quả Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn, xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn.

b) Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng lộ trình phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện, trình độ phát triển của đất nước trên cơ sở đánh giá tổng thể về lợi ích và chi phí của nền kinh tế.

- Xây dựng các mô hình kinh tế tuần hoàn thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Chủ động xây dựng và hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế và yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả. Triển khai thực hiện các quy định và lộ trình về phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, cơ chế, chính sách trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon, phát triển thị trường các-bon trong nước tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, hoàn thiện cơ chế ưu tiên để phát triển mạnh công nghiệp tái chế và công nghiệp tái tạo; thí điểm, nhân rộng và phát triển các mô hình sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tái sử dụng, tái chế chất thải phù hợp với từng ngành, vùng, miền.

- Quản lý chặt chẽ và toàn diện việc sử dụng quặng và chất thải chứa kim loại màu, nguyên tố đất hiếm. Có chiến lược phát triển khai thác, chế biến quặng đất hiếm và một số loại khoáng sản có giá trị cao có lợi thế cạnh tranh. Phát triển công nghiệp sử dụng triệt để chất thải rắn, chất thải công nghiệp, tái chế chất thải xây dựng.

- Chủ trì, tổ chức xây dựng lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu và tiến tới dừng sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm hàng hóa chứa vi nhựa trước 31 tháng 12 năm 2030.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển dịch vụ cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái tự nhiên.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện chứng thực, công nhận dán nhãn sinh thái, hiệu quả năng lượng đối với sản phẩm trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải và hàng tiêu dùng, chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

d) Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng cơ chế mở rộng phạm vi mua sắm Chính phủ đối với sản phẩm thân thiện môi trường, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp môi trường.

đ) Bộ Ngoại giao

- Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước; tận dụng, khai thác hiệu quả mạng lưới các đối tác, lồng ghép các nội dung thúc đẩy hợp tác kinh tế trong xây dựng và triển khai các đề án phát triển quan hệ với các nước, đối tác chiến lược, toàn diện và các đối tác quan trọng khác để xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong hợp tác quốc tế, thu hút nguồn lực từ bên ngoài (vốn, công nghệ, tri thức) phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tham mưu kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng chính sách, biện pháp triển khai công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phối hợp xây dựng mạng lưới hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các tổ chức, cơ quan nghiên cứu quốc tế.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược trong một số ngành, lĩnh vực công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên.

10. Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo đảm tốt an sinh xã hội

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Cụ thể hóa các hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của từng lĩnh vực, từng địa phương. Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện các hệ giá trị quốc gia Việt Nam trong thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, đưa hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam vào cuộc sống.

- Hình thành môi trường văn hóa số. Chủ trì xây dựng Bộ chỉ số quốc gia về phát triển văn hóa và triển khai ứng dụng định kỳ để đo lường, đánh giá và giám sát sự đóng góp và tăng trưởng của lĩnh vực văn hóa trong tổng thể phát triển quốc gia.

- Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả các ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa gắn với phát triển du lịch.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khắc phục khoảng cách chênh lệch về hạ tầng văn hóa giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; chênh lệch về mức thụ hưởng văn hóa giữa các giai tầng, các nhóm xã hội, các cộng đồng dân cư.

- Triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Ưu tiên đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi phát triển lực lượng công nhân cả về số lượng và chất lượng, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong tình hình mới. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng số cho công nhân.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện và hiện đại, hướng tới bao phủ toàn dân, nhất là về chăm sóc sức khoẻ và bảo hiểm y tế; trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế.

- Tiếp tục cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng linh hoạt, đa tầng và hiện đại dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ bền vững.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp về giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản. Nghiên cứu, trình ban hành chuẩn nghèo đa chiều quốc gia và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đa chiều, bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Đẩy nhanh việc tổng kết Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 52-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tiếp tục quan tâm, phát triển cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, tạo điều kiện cho người Việt Nam ở nước ngoài tham gia, đóng góp vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển mạng lưới doanh nhân, trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài, phát huy vai trò kết nối giữa Việt Nam và đối tác, hiệp hội, tổ chức quốc tế trong những lĩnh vực tiềm năng như đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, tài chính xanh, nghiên cứu và phát triển.

- Hoàn thiện và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2030.

d) Bộ Xây dựng

Triển khai xây dựng đến năm 2030 được ít nhất 1 triệu nhà ở xã hội cho công nhân và người có thu nhập thấp; bảo đảm đáp ứng đồng bộ hạ tầng xã hội thiết yếu về giao thông, y tế, giáo dục, văn hóa của các khu nhà ở, tạo chỗ ở ổn định, nâng cao đời sống để công nhân an tâm lao động sản xuất.

đ) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Chủ trì nghiên cứu, xây dựng Chiến lược phát triển đội ngũ doanh nhân đến năm 2030.

e) Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Chủ trì nghiên cứu, xây dựng và phổ biến Đề án phát triển văn hoá kinh doanh tại Việt Nam tiên tiến, giàu bản sắc và hội nhập quốc tế.

g) Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động của Chính phủ.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, định kỳ hàng năm báo cáo những nhiệm vụ đã hoàn thành về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 01 tháng 12.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp (nếu cần thiết) để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.



Phụ lục I

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

Kiểm tra theo Chương trình tại Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2023 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ, BÁO CÁO	KỲ BÁO CÁO
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân	7,0%/năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
2	GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành	Khoảng 7.500 USD	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
3	GNI bình quân đầu người theo giá hiện hành	> 7.000 USD	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
4	Tỷ trọng đóng góp năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng chung	> 50% GDP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Giữa kỳ, 5 năm
5	Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm	Nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hàng năm, định kỳ thực hiện báo cáo
6	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%	< 20%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	35 - 40%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
8	Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin	> 90%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm

9	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có các kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin	> 80%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
10	Tỷ lệ sinh viên đại học trên một vạn dân	260 sinh viên/vạn dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
11	Năng lực cạnh tranh công nghiệp về năng lực cạnh tranh công nghiệp	Nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN	Bộ Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
12	Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp trong GDP	> 40% GDP	Bộ Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
13	Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	Khoảng 30% GDP	Bộ Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
14	Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo	> 45%	Bộ Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
15	Giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, chế biến bình quân đầu người	> 2.000 USD	Bộ Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
16	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ trong GDP	> 50% GDP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
17	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của ngành du lịch trong GDP	14 - 15% GDP	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
18	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước	Khoảng 30% GDP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
19	Chính phủ điện tử, kinh tế số	- Nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới - Thứ ba trong khu vực ASEAN	Bộ Thông tin và Truyền thông	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm

20	Tỷ lệ đô thị hóa	> 50%	Bộ Xây dựng	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
21	Các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản), tái sử dụng, tái chế chất thải	Tương đương với các nước dẫn đầu ASEAN	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
22	Chỉ số hiệu quả môi trường (EPI)	> 55	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
23	Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm

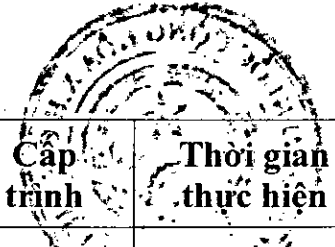


Phụ lục II

**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2022 VỀ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH
SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Chương trình tại Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian thực hiện
1	Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước				
1.1	Quán triệt nâng cao nhận thức các nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Các bộ, ngành và địa phương			2023 - 2024
1.2	Chỉ đạo các cơ quan báo chí tuyên truyền nâng cao nhận thức về sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành và địa phương		2023 - 2024
2	Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước				
2.1	Xây dựng Luật Phát triển công nghiệp	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2024
2.2	Chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tập trung vào (i) phát triển công nghiệp trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến là then chốt; và (ii) hình thành các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn có năng lực cạnh tranh quốc tế.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024 - 2025
2.3	Xây dựng và triển khai bộ tiêu chí đánh giá kết quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa cấp quốc gia, cấp ngành và địa phương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2025



TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian thực hiện
2.4	Xây dựng Đề án thành lập Ủy ban Quốc gia về công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
2.5	Xây dựng Luật Năng lượng tái tạo	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2024
2.6	Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
2.7	Nghị định quy định về hoạt động khuyến công	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2024
2.8	Chương trình Khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, định hướng hoạt động khuyến công quốc gia đến năm 2045	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2025
2.9	Nghiên cứu, ban hành và triển khai cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao để thúc đẩy hình thành một số trung tâm logistics tầm cỡ khu vực và quốc tế	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
2.10	Nghiên cứu đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2023 - 2024
2.11	Xây dựng Chương trình hành động triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2024 - 2025
2.12	Xây dựng Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2035	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
2.13	Cập nhật, hoàn thiện Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội/ Chính phủ	2023 - 2024

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian thực hiện
2.14	Xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2024
2.15	Hoàn thiện và triển khai đề án mô hình cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng và hệ thống các cơ sở công nghiệp quốc phòng	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2028
2.16	Chỉnh sửa, hoàn thiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2023
2.17	Nghiên cứu hình thành Quỹ Phát triển hạ tầng giao thông	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
2.18	Xây dựng và triển khai Đề án khung pháp lý về phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2023 - 2024
2.19	Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn quốc gia về sản xuất thông minh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2023 - 2024
2.20	Xây dựng Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
2.21	Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2024
2.22	Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2025
2.23	Xây dựng Đề án đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động của các khu công nghệ cao	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2023 - 2024
2.24	Xây dựng khung tiêu chí cho phát triển khu công nghiệp sinh thái, thông minh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian thực hiện
2.25	Xây dựng khung tiêu chí cho phát triển khu đô thị công nghiệp - thương mại - dịch vụ.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2025
2.26	Xây dựng Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2023-2024
2.27	Xây dựng Luật Điều chỉnh về quản lý phát triển đô thị và các văn bản dưới luật	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội/ Chính phủ	2025
3	Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, tự lực, tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng				
3.1	Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2024
3.2	Chương trình quốc gia về nâng cao năng lực độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường của nền sản xuất Việt Nam đến năm 2045 (Make in Vietnam 2045)	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2025
3.3	Xây dựng Đề án thí điểm các mô hình khu kinh tế chuyên biệt, khu thương mại tự do tại một số địa phương có tiềm năng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
3.4	Chỉ thị về phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2023
4	Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo				
4.1	Xây dựng Đề án Phát triển hệ thống dịch vụ logistics nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian thực hiện
5	Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa				
5.1	Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2024
5.2	Xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
5.3	Xây dựng Đề án Ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
5.4	Xây dựng Đề án Hạ tầng Chất lượng Quốc gia (NQL)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
5.5	Xây dựng Đề án Chuyển đổi số ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
6	Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước				
6.1	Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư hạ tầng giao thông giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2023-2025
6.2	Xây dựng Đề án tổng thể về cơ chế giao quản lý, khai thác các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng hải, hàng không, đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2024
6.3	Xây dựng Đề án thí điểm mô hình đầu tư công - quản trị tư, đầu tư tư - sử dụng công trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2024
6.4	Chiến lược Hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2024-2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian thực hiện
6.5	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2024
7	Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa				
7.1	Hoàn thiện và trình các cấp có thẩm quyền Dự án Luật Hợp tác xã sửa đổi	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2023-2024
8	Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước				
8.1	Xây dựng Đề án xác định tỷ lệ nguồn thu giữ lại hợp lý đối với các đô thị đặc biệt và các đô thị lớn	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2024
9	Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước				
9.1	Xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2024
9.2	Xây dựng Đề án mở rộng phạm vi mua sắm chính phủ đối với sản phẩm thân thiện môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2023
10	Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo đảm tốt an sinh xã hội				
10.1	Bộ chỉ số quốc gia về phát triển văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2023-2024
10.2	Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2024

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian thực hiện
10.3	Xây dựng Chiến lược quốc gia phát triển đội ngũ doanh nhân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam	Thủ tướng Chính phủ	2025
10.4	Xây dựng và phổ biến Đề án phát triển văn hoá kinh doanh tại Việt Nam tiên tiến, giàu bản sắc và hội nhập quốc tế	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2023 - 2024
10.5	Xây dựng Chiến lược quốc gia phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2023 - 2024
10.6	Xây dựng Nghị định quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành và địa phương	Chính phủ	2025
10.7	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đa chiều, bền vững giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2025